

Số: **1553**/TCHQ-TXNK

Hà Nội, ngày **2** tháng 3 năm 2020

V/v xử lý thuế đối với hàng hóa
nhập khẩu thuê gia công lại

Kính gửi: Cục Hải quan Thừa Thiên Huế.

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 123/HQTTH-NV ngày 11/02/2020 của Cục Hải quan Thừa Thiên Huế về việc xử lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu thuê gia công lại. Về vấn đề này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Về xử lý thuế

Căn cứ khoản 6 Điều 16 Luật thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định hàng hóa nhập khẩu để gia công, sản phẩm gia công xuất khẩu theo hợp đồng gia công được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Căn cứ khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 quy định cơ sở để xác định hàng hóa được miễn thuế:

“a) Tổ chức, cá nhân có hợp đồng gia công theo quy định của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

Người nộp thuế kê khai trên tờ khai hải quan các thông tin về số, ngày hợp đồng gia công, tên đối tác thuế gia công;

b) Người nộp thuế hoặc tổ chức, cá nhân nhận gia công lại cho người nộp thuế có cơ sở gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu trên lãnh thổ Việt Nam và thực hiện thông báo cơ sở gia công, sản xuất theo quy định của pháp luật về hải quan và thông báo hợp đồng gia công cho cơ quan hải quan.

c) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu được sử dụng để gia công, sản xuất sản phẩm đã xuất khẩu.”

Căn cứ Điều 36 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để gia công; hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu:

“ ...

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan, việc báo cáo quyết toán đối với nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị xuất khẩu, nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu; kiểm tra cơ sở sản xuất, năng lực sản xuất, tình hình sử dụng và tồn kho nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị.”

Căn cứ khoản 1 Điều 62 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với trường hợp thuê gia công lại thì: *Trường*

hợp tổ chức, cá nhân Việt Nam ký kết hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài nhưng không trực tiếp gia công mà thuê tổ chức, cá nhân khác gia công (thuê gia công lại) theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 32 Nghị định số 187/2013/NĐ-CP thì tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài là người làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, báo cáo quyết toán hợp đồng gia công với cơ quan hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng gia công này. Tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về tên, địa chỉ trụ sở, địa chỉ cơ sở sản xuất của chính tổ chức, cá nhân và của tổ chức, cá nhân nhận gia công lại; thời gian đưa nguyên liệu, vật tư đi gia công để cơ quan hải quan kiểm tra khi cần thiết. Thời hạn nộp văn bản thông báo là trước thời điểm đưa nguyên liệu, vật tư đi gia công lại.

Căn cứ điểm 1 khoản 41 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC (sửa đổi, bổ sung Điều 62 Thông tư số 38/2015/TT-BTC) quy định thủ tục hải quan đối với trường hợp thuê gia công lại thì: *Trường hợp tổ chức, cá nhân Việt Nam ký kết hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài nhưng không trực tiếp gia công mà thuê tổ chức, cá nhân khác gia công toàn bộ hoặc gia công công đoạn (thuê gia công lại) thì tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài là người làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, báo cáo quyết toán hợp đồng gia công với cơ quan hải quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng gia công này. Tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài có trách nhiệm thông báo hợp đồng gia công lại cho Chi cục Hải quan nơi đã thông báo cơ sở sản xuất theo các chỉ tiêu thông tin quy định lại theo mẫu số 23, mẫu số 24 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này qua Hệ thống hoặc theo mẫu số 18a/TB-HĐGCL/GSQL Phụ lục V Thông tư này bằng văn bản cho Chi cục Hải quan quản lý trước khi giao nguyên liệu, vật tư cho đối tác nhận gia công lại.*

Như vậy, quy định người nộp thuế hoặc tổ chức, cá nhân nhận gia công lại cho người nộp thuế phải thông báo hợp đồng gia công cho cơ quan hải quan là cơ sở để xác định hàng hóa được miễn thuế được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP, Điều 62 Thông tư số 38/2015/TT-BTC, điểm 1 khoản 41 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC. Trên cơ sở hồ sơ thực tế, cơ quan hải quan đối chiếu quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP để thực hiện ấn định thuế theo quy định.

Đề nghị Cục Hải quan Thừa Thiên Huế căn cứ các quy định nêu trên, hướng dẫn của Tổng cục Hải quan tại công văn số 7246/TCHQ-TXNK ngày 20/11/2019, hồ sơ thực tế để thực hiện.

2. Về thời gian ban hành kết luận kiểm tra

Căn cứ quy định tại tiết c.3 điểm 4 khoản 74 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC:

“c.3) Đối với trường hợp kết luận kiểm tra cần có ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan hải quan chưa đủ cơ sở kết luận thì thời hạn kết luận như sau:

c.3.1) Trường hợp trong bản kết luận có những nội dung đã đủ cơ sở kết luận, có thể kết luận ngay đồng thời còn có những nội dung cần ý kiến về chuyên môn thì

ban hành kết luận kiểm tra đối với những nội dung đủ cơ sở kết luận theo thời hạn quy định. Đối với những nội dung cần ý kiến về chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền thì cơ quan hải quan ban hành kết luận bổ sung. Thời hạn ký ban hành kết luận bổ sung là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền;

c.3.2) Trường hợp toàn bộ nội dung Bản kết luận chưa đủ cơ sở kết luận thì thời hạn ký ban hành kết luận kiểm tra là 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản ý kiến của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền;

c.3.3) Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền có ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan hải quan;

c.3.4) Trường hợp hết thời hạn 30 ngày cơ quan chuyên môn có thẩm quyền không có ý kiến bằng văn bản thì cơ quan hải quan ban hành kết luận trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn theo điểm c.3.3 khoản này dựa trên kết quả kiểm tra và dữ liệu của cơ quan hải quan hiện có.”

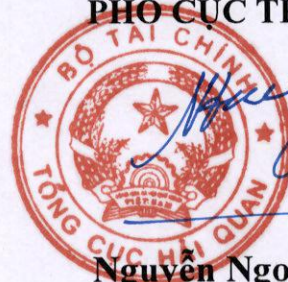
Đề nghị Cục Hải quan Thừa Thiên Huế căn cứ quy định trên để thực hiện.

Tổng cục Hải quan có ý kiến đề Cục Hải quan Thừa Thiên Huế biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PTCT. Lưu Mạnh Tường (đề b/c);
- Cục KTSTQ, Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TXNK-H.Linh (3b).

**TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ XNK
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Ngọc Hưng